TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: **34/2019**/HNGĐ-ST
Ngày: 20/ 5 /2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Trọng Tú
2. Ông Trần Tuấn Hưởng
- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN:*Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/5/2019 và 20/5/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình do Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên thụ lý số 405/2017/TLST- HNGĐ ngày 13/ 12/2017, theo Quyết định chuyển vụ án số 02/2018 ngày 05/11/2018, được Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý số 874/2018/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/ QĐXX –ST ngày 08/4/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Bà Tô Huyền N**, sinh năm 1967;(Có mặt)

* Bị đơn: **Ông Dương Ngọc Kh**, sinh năm 1964;(Vắng mặt)

Đều trú tại: SN 6, tổ 16, phường T, thành phố Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên**

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Th - Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện theo ủy quyền: - Bà Dương Bích N (vắng mặt);

- Bà Phạm Thu H - Cán bộ pháp chế của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Tô Huyền N trình bày: Bà kết hôn ông Dương Ngọc Kh năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do ông Kh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chính bà bắt gặp ông Kh còn đưa người tình đi khám bệnh tại Bệnh viện đa khoa TW Thái Nguyên, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, có lần ông Kh còn đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, cả hai không quan tâm thăm hỏi gì nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Kh để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Dương Ngọc Đ, sinh ngày 09/12/2000 đến nay con đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có tài sản chung gồm:

- 01 mái tôn dựng năm 2011 trên thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh; hiện bà N đang quản lý, sử dụng.
- 01 thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh;

Bà N đề nghị Tòa án Chia cho bà được quản lý, sở hữu sử dụng đất và tài sản trên đất là 01 mái tôn xây dựng năm 2011 trên thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Theo biên bản định giá, Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: 262.566.400 đồng*(Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng)*

+ Chia cho ông Dương Ngọc Kh được quản lý, sử dụng thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh trên đất không có tài sản gì.

Theo biên bản định giá, Tổng giá trị thửa đất: 207.290.000 đồng*(Hai trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)*

Bà N được hưởng phần giá trị tài sản lớn hơn ông Kh thì sẽ có trách Nệm trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho ông Kh là: **27.638.200đ**

(Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)

- 01 xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu HuynDai Vema BKS 20A 055.08 đăng ký xe mang tên Dương Ngọc Kh, xe do vợ chồng bà mua năm 2009 với giá 380.000.000đ(Ba trăm tám mươi triệu đồng) hiện ông Kh đang quản lý, sử dụng xe.

Do ông Kh không hợp tác giải quyết vụ án, bà N xin rút yêu cầu giải quyết chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu HuynDai Vema BKS 20A 055.08 đăng ký xe mang tên Dương Ngọc Kh để khởi kiện ông Kh trong vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Ngày 12/5/2017 vợ chồng bà có ký hợp đồng tín dụng số 8500 LAV 201700490 ngày 12/5/2017 để vay 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay 1 năm do vợ chồng đã thế chấp tài sản bảo đảm là QSD đất của thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thái Nguyên 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/N/2012/TC ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số HSX/2017/124/PLHĐTC ngày 12/5/2017.

Bà xác định vợ chồng bà đã trả Ngân hàng 100.000.000đ tiền gốc và lãi phát sinh, tính đến ngày18/10/2018 dư nợ gốc còn 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) lãi là 1.232.877 đồng. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng xảy ra vợ chồng bà không ai có trách Nhiệm trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và lãi.

Tính đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm số nợ gốc còn 200.000.000đ và lãi phát sinh do Ngân hàng tính, bà đề nghị Tòa án giải quyết chia đôi số nợ chung, mỗi người đều phải có trách Nhiệm trả nợ Ngân hàng.

Trường hợp ông Kh không trả nợ cho Ngân hàng phần của ông Kh thì tôi tự nguyện đứng ra trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng để rút GCNQSD đất về, đề nghị Tòa án ghi rõ trong bản án nếu ông Kh không trả tiền tôi thì ông Kh sẽ phải chịu khấu trừ khi thi hành án về tài sản của ông Kh để trả phần tài sản tôi đã trả nợ cho ông Kh với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thái Nguyên.

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa - Bà Dương Bích Ng, Phạm Thu H trình bày:

- Ngày 12/5/2017 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên có ký hợp đồng tín dụng số 8500 LAV 201700490 ngày 12/5/2017 với bên vay Bà Tô Huyền N, ông Dương Ngọc Kh(do bà N làm đại diện) . Tổng hạn mức cho vay là 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay

1 năm, tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/N/2012/TC ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số HSX/2017/124/PLHĐTC ngày 12/5/2017 bao gồm: 01 thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Dư nợ gốc đến ngày 16/5/2019 còn **200.000.000đ**(Hai trăm triệu đồng)

Dư nợ lãi tính đến ngày 16/5/2019 là **16.868.023 đồng**. Tổng số tiền phải trả Ngân hàng gồm gốc + lãi = **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)***

Nay bà N khởi kiện ly hôn ông Kh có liên quan đến khoản nợ với Ngân hàng, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên yêu cầu Tòa án xác định khoản nợ chung của hai vợ chồng và yêu cầu bà N, ông Kh có nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp(bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh).

Trường hợp các bên không thỏa thuận được việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng, đề nghị Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ của vợ và chồng.

Trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để phân chia thì đề nghị Tòa án xác định rõ nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng của mỗi bên để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Do ông Kh không hợp tác giải quyết vụ án, bà N yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của vợ chồng để chia.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 06/8/2018 Hội đồng định giá đã tiến hành định giá các tài sản sau:

Về đất: 1. Thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh

Căn cứ quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyênvề việc sử đổi bổ sung quyết định số 57/2014 /QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt về bảng giá đất giai đoạn 2015- 2019 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Vị trí đất ddược xác định là phố Đội Giá thuộc tổ 16, phường T, thành phố Thái Nguyên, có giá 4.000.000đ/m^2

Cụ thể: **64 m^2 x 4.000.000đ/m^2 = 256.000.000 đồng.**

- Về tài sản trên đất: 01 mái tôn xây dựng năm 2011 có diện tích 64 m^2 ,

Căn cứ quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành về đơn giá nhà và công trình kiến trúc gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Cụ thể: 01 mái tôn 64 m^2 x 190.000đ/m^2 = **6.566.400 đồng**

Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: 262.566.400 đồng

2. Thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Vị trí đất được xác định thuộc trục phụ đường CMT8(Nhánh rẽ có mặt đường bê tông rộng >=3,5 mét vào 150 mét. Từ cổng công ty Xây dựng số 2 ra đến cầu sắt giáp đất phường T có giá: 2.500.000đ/m^2.

Cụ thể: Đất ở đo thị: 80 m^2 x 2.500.000đ/m^2 = **200.000.000 đồng;**

Đất trồng cây lâu năm: 81 m^2 x 90.000đ/m^2 = **7.290.000 đồng;**

Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: 207.290.000 đồng

Tại phiên tòa ý kiến của vị đại diện VKS như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định tại Điều70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vi phạm quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân: Bà Tô Huyền N khởi kiện ly hôn ông Dương Ngọc Kh, theo bà N khai vợ chông đã sống ly thân từ năm 2016 cả hai không quan tâm đến nhau, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật HNGĐ cho bà N được ly hôn ông Kh.

Về con chung: đã trưởng thành, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015; Xác định Vợ chồng có 2 thửa đất như HĐĐG đã định giá, giải quyết theo quy định của pháp luật giao cho mỗi người được quản lý, sử dụng 1 thửa đất, bên nào hưởng phần giá trị cao hơn thì phải có trách Nệm trích chia chếnh lệch tài sản cho bên kia bằng giá trị tài sản của mình được hưởng.

Đối với yêu cầu của bà N về chiếc xe ô tô hiện ông Kh đang giữ: đề nghị HĐXX Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Huyền N về việc đề nghị ông Dương Ngọc Kh trích chia ½ giá trị là chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu HuynDai Vema BKS 20A 055.08 đăng ký xe mang tên Dương Ngọc Kh do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Theo ý kiến đề nghị của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên đề nghị HĐXX xem xét chia đôi khoản nợ chung(gồm gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm) mỗi người phải chịu ½ số nợ gốc và lãi của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 12/5/2017. Nhưng tại phiên tòa bà N tự nguyện đứng ra trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng để rút GCNQSD đất về, đề nghị HĐXX buộc ông Kh phải trả tiền cho bà N số tiền ông Kh nợ Ngân

hàng, nếu ông Kh không trả thì ông Kh sẽ phải chịu khấu trừ khi thi hành án về tài sản của ông Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Tô Huyền N kết hôn ông Dương Ngọc Kh năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thái Nguyên. Các đương sự có hộ khẩu thường trú tại tổ 16, phường T, thành phố Thái Nguyên như vậy theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đại Từ và Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên giải quyết vụ án, ông Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải Nều lần nhưng ông Kh cố tình không hợp tác giải quyết vụ án, vì vậy những chứng cứ về tài sản chung do bà N cung cấp và yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Kh không có đơn phản tố hay đơn khởi kiện về yêu cầu độc lập nên Tòa án căn cứ vào những chứng cứ về tài sản chung do bà N cung cấp và Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Thái Nguyên cung cấp chứng cứ về nợ chung để giải quyết vụ án.

Ông Kh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, thư ký đã liên hệ với ông Kh thông báo cho ông Kh biết ngày tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải với bà N nhưng ông Kh cố tình không tham gia giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại chính quyền địa phương theo quy định tại Điều 177 BLTTDS.

Tại phiên tòa lần thứ 2 ông Kh vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Kh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Bà Tô Huyền N kết hôn ông Dương Ngọc Kh năm 1999 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống có Nều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân theo bà N khai do ông Kh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác,vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay, cả hai không quan tâm thăm hỏi gì nhau và chấm dứt mọi quan hệ từ đó, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin được ly hôn ông Kh để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, không cùng nhau xây dựng cuộc sống chung vợ chồng, ngoài ra

hai vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Kh chấm dứt từ năm 2016, không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên nên cho bà N được ly hôn ông Kh là phù hợp với thực tế và Điều 51,56 Luật HNGD năm 2014.

[2.2] Về con chung: Con chung Dương Ngọc Đ, sinh ngày 09/12/2000 đến nay con đã trưởng thành. Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chông bà N, ông Kh có tài sản chung gồm:

- 01 Thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh

Có giá trị = 256.000.000 đồng; Tài sản trên đất: 01 mái tôn xây dựng năm 2011 có diện tích 64 m^2 Có giá trị = 6.566.400 đồng.

Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: **262.566.400 đồng*(Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng)***

- 01 Thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh trên đất không có tài sản gì.

Tổng giá trị thửa đất: **207.290.000 đồng*(Hai trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)***

Tổng giá trị hai thửa đất và tài sản trên đất: 469.856.400 đồng.

Bà N và ông Kh mỗi người được hưởng giá trị tài sản khi chia là: **234.928.200 đồng*(Hai trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm đồng .***

+ Chia cho bà Tô Huyền N được quản lý, sở hữu sử dụng đất và tài sản trên đất là 01 mái tôn xây dựng năm 2011 trên thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: **262.566.400 đồng*(Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng)***

+ Chia cho ông Dương Ngọc Kh được quản lý, sử dụng thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh trên đất không có tài sản gì.

Tổng giá trị thửa đất: **207.290.000 đồng*(Hai trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)***

Bà N được hưởng phần giá trị tài sản lớn hơn ông Kh nên bà N phải có trách Nệm trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho ông Kh là: **27.638.200đ**
(Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)
Ông Kh được nhận giá trị chênh lệch tài sản do bà N trích chia là: **27.638.200đ(*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)***

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Huyền N về việc đề nghị ông Dương Ngọc Kh trích chia ½ giá trị là chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu HuynDai Vema BKS 20A 055.08 đăng ký xe mang tên Dương Ngọc Kh, xe vợ chồng bà mua năm 2009 với giá 380.000.000đ(Ba trăm tám mươi triệu đồng) hiện ông Kh đang quản lý, sử dụng do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung: Xét thấy vợ chồng bà N, ông Kh có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 8500 LAV 201700490 ngày 12/5/2017 với bên vay Bà Tô Huyền N, ông Dương Ngọc Kh(do bà N làm đại diện). Tổng hạn mức cho vay là 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay 1 năm, tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/N/2012/TC ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số HSX/2017/124/PLHĐTC ngày 12/5/2017 bao gồm: 01 thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.
Dư nợ gốc đến ngày 16/5/2019 còn **200.000.000đ**(Hai trăm triệu đồng)
Dư nợ lãi tính đến ngày 16/5/2019 là **16.868.023 đồng**. Tổng số tiền phải trả Ngân hàng gồm gốc + lãi = **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)***

Bà N và ông Kh đều phải có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi nêu trên. Cụ thể: Bà N và ông Kh mỗi người phải có trách Nệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên số tiền **108.434.012đ *(Một trăm linh tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm mười hai đồng)***

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tô Huyền N về việc tự nguyện đứng ra trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng để rút GCNQSD đất về.
Số nợ gốc và lãi tính đến ngày Tòa án xét xử là: **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)*.**
Trường hợp ông Kh không trả bà N số tiền 108.434.012đ(là tiền nợ Ngân hàng do bà N trả thay) thì bà N có quyền yêu cầu Thi hành án khấu trừ tài sản khi thi hành án về tài sản của ông Kh.

[2.4] Về chi phí tố tụng và án phí: Bà N tự nguyện nộp chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã chi phí xong.

Bà N và ông Kh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và phải chịu án phí chia tài sản trên giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên: Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 157, 158, 164, 165, 227, 228, 271, 273, 278, 280, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 29, 33, 37, 38, 39, 41, 51, 56, 57, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 213, 219, 220, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ,
- Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Tô Huyền N, cho bà Tô Huyền N được ly hôn ông Dương Ngọc Kh.

2. Về con chung: Con chung Dương Ngọc Đức, sinh ngày 09/12/2000 đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung:

+ Chia cho bà Tô Huyền N được quản lý, sở hữu sử dụng đất và tài sản trên đất là 01 mái tôn xây dựng năm 2011 trên thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: 262.566.400 đồng*(Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng)*

+ Chia cho ông Dương Ngọc Kh được quản lý, sử dụng thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh trên đất không có tài sản gì.

Tổng giá trị thửa đất: 207.290.000 đồng*(Hai trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)*

Bà N được hưởng phần giá trị tài sản lớn hơn ông Kh nên bà N phải có trách Nệm trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho ông Kh là: **27.638.200đ**

(Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)

Ông Kh được nhận giá trị chênh lệch tài sản do bà N trích chia là: **27.638.200đ(*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)***

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Huyền N về việc đề nghị ông Dương Ngọc Kh trích chia ½ giá trị là chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu HuynDai Vema BKS 20A 055.08 đăng ký xe mang tên Dương Ngọc Kh, xe vợ chồng bà mua năm 2009 với giá 380.000.000đ(Ba trăm tám mươi triệu đồng) hiện ông Kh đang quản lý, sử dụng do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Nợ chung: Buộc bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh đều phải có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 8500 LAV 201700490 ngày 12/5/2017 với bên vay Bà Tô Huyền N, ông Dương Ngọc Kh(do bà N làm đại diện). Tổng hạn mức cho vay là 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay 1 năm, tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/N/2012/TC ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số HSX/2017/124/PLHĐTC ngày 12/5/2017 bao gồm: 01 thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Dư nợ gốc đến ngày 16/5/2019 còn **200.000.000đ**(Hai trăm triệu đồng)

Dư nợ lãi tính đến ngày 16/5/2019 là **16.868.023 đồng**.

Tổng số tiền phải trả Ngân hàng gồm gốc + lãi = **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)***

Cụ thể: Bà N và ông Kh mỗi người phải có trách Nệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên **108.434.012đ *(Một trăm linh tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm mười hai đồng).***

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tô Huyền N về việc trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/5/2019 (bao gồm cả phần nợ của ông Kh) số tiền **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)*** cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thái Nguyên để nhận lại GCNQSD đất do bà N, ông Kh đã thế chấp.

Sau khi bà N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi **216.868.023đ** cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thái Nguyên xong, trường hợp ông Kh không trả bà N số tiền **108.434.012đ**(là khoản tiền nợ của ông Kh với Ngân hàng do bà N trả thay) thì bà N có quyền yêu cầu chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên khấu trừ tài sản của ông Kh để trả cho bà N khi thi hành án về tài sản của ông Kh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 BLDS về trách Nệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và Điều 468 BLDS năm 2015 về lãi suất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ vào khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu. Số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá bà N tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

6. Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước. Bà N, ông Kh phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được hưởng và án phí trên số tiền phải trả nợ Ngân hàng.

Cụ thể: Bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh mỗi người phải chịu **17.168.110** đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được hưởng và án phí trên số nợ phải trả Ngân hàng.

Bà N được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo biên lai thu số 0004942 ngày 27/3/2017 và 10.000.000đ theo biên lai thu số 0007422 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bà N còn phải nộp **7.168.110 đồng** án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà N và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Kh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- Viện KSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;

- THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND nơi ĐKKH phường T, TPTN;
- Lưu HS.

Mai Thị Hồng Thái

Mẫu số 51-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THÁI NGUYÊN

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2019. Tại phòng Nghị án Hội trường xét xử TAND thành phố Thái Nguyên.

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Trọng Tú
  2. Ông Trần Tuấn Hưởng

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 874/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc "tranh chấp Ly hôn " Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Tô Huyền N, sinh năm 1967;

* Bị đơn: Ông Dương Ngọc Kh, sinh năm 1964;

Đều trú tại: SN 6, tổ 16, phường T, thành phố Thái Nguyên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thành- Chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Bích Nguyệt

Bà Phạm Thu Hoài - Cán bộ pháp chế của Ngân hàng

Căn cứ Điều 264 , 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng: Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 157, 158, 164, 165, 227, 228, 271, 273, 278, 280, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 29, 33, 37, 38, 39, 41, 51, 56, 57, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 213, 219, 220, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ,
- Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết 3/3 = 100%

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Tô Huyền N, cho bà Tô Huyền N được ly hôn ông Dương Ngọc Kh.

Biểu quyết 3/3 = 100%

2. Về con chung: Con chung Dương Ngọc Đức, sinh ngày 09/12/2000 đã trưởng thành Tòa án không giải quyết.

Biểu quyết 3/3 = 100%

3. Về tài sản chung:

+ Chia cho bà Tô Huyền N được quản lý, sở hữu sử dụng đất và tài sản trên đất là 01 mái tôn xây dựng năm 2011 trên thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, đất đã có GCNQSD đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Tổng giá trị thửa đất và tài sản trên đất: 262.566.400 đồng*(Hai trăm sáu mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng)*

+ Chia cho ông Dương Ngọc Kh được quản lý, sử dụng thửa đất số 242 tờ bản đồ số 28 có diện tích 161 m^2; Trong đó có 80 m^2 đất ở đô thị và 81 m^2 đất trồng cây lâu năm, đất đã có GCNQSD đất số BM147183 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 15/11/2012 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh trên đất không có tài sản gì.

Tổng giá trị thửa đất: 207.290.000 đồng*(Hai trăm linh bảy triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)*

Bà N được hưởng phần giá trị tài sản lớn hơn ông Kh nên bà N phải có trách Nệm trích chia giá trị chênh lệch tài sản cho ông Kh là: **27.638.200đ**

(Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)

Ông Kh được nhận giá trị chênh lệch tài sản do bà N trích chia là: **27.638.200đ(*Hai mươi bảy triệu, sáu trăm ba mươi tám nghìn, hai trăm đồng)***

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Huyền N về việc đề nghị ông Dương Ngọc Kh trích chia ½ giá trị là chiếc xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu HuynDai Vema BKS 20A 055.08 đăng ký xe mang tên Dương Ngọc Kh, xe vợ chồng bà mua năm 2009 với giá 380.000.000đ(Ba trăm tám mươi triệu đồng) hiện ông Kh đang quản lý, sử dụng do bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Biểu quyết 3/3 = 100%

4. Nợ chung: Buộc bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh đều phải có trách Nệm trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên theo hợp đồng tín dụng số 8500 LAV 201700490 ngày 12/5/2017 với bên vay Bà Tô Huyền N, ông Dương Ngọc Kh(do bà N làm đại

diện). Tổng hạn mức cho vay là 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng) thời hạn vay 1 năm, tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/N/2012/TC ngày 27/4/2012 và phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản số HSX/2017/124/PLHĐTC ngày 12/5/2017 bao gồm: 01 thửa đất số 44 tờ bản đồ số 23 có diện tích 64 m^2 đất ở đô thị, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 013181 do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/6/2011 mang tên bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh.

Dư nợ gốc đến ngày 16/5/2019 còn **200.000.000đ**(Hai trăm triệu đồng)

Dư nợ lãi tính đến ngày 16/5/2019 là **16.868.023 đồng**.

Tổng số tiền phải trả Ngân hàng gồm gốc + lãi = **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)***

Cụ thể: Bà N và ông Kh mỗi người phải có trách Nệm trả nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên **108.434.012đ *(Một trăm linh tám triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn, không trăm mười hai đồng).***

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tô Huyền N về việc trả hết toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 16/5/2019 (bao gồm cả phần nợ của ông Kh) số tiền **216.868.023đ*(Hai trăm mười sáu triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, không trăm hai mươi ba đồng)*** cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thái Nguyên để nhận lại GCNQSD đất do bà N, ông Kh đã thế chấp.

Sau khi bà N trả toàn bộ số nợ gốc và lãi **216.868.023đ** cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Thái Nguyên xong, trường hợp ông Kh không trả bà N số tiền **108.434.012đ**(là khoản tiền nợ của ông Kh với Ngân hàng do bà N trả thay) thì bà N có quyền yêu cầu chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên khấu trừ tài sản của ông Kh để trả cho bà N khi thi hành án về tài sản của ông Kh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 BLDS về trách Nệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và Điều 468 BLDS năm 2015 về lãi suất, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Biểu quyết 3/3 = 100%

5. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ vào khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo yêu cầu. Số tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá bà N tự nguyện nộp và đã thực hiện xong.

Biểu quyết 3/3 = 100%

6. Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước. Bà N, ông Kh phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được hưởng và án phí trên số tiền phải trả nợ Ngân hàng.

Cụ thể: Bà Tô Huyền N và ông Dương Ngọc Kh mỗi người phải chịu **17.168.110** đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên tổng giá trị tài sản được hưởng và án phí trên số nợ phải trả Ngân hàng.

Bà N được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ theo biên lai thu số 0004942 ngày 27/3/2017 và 10.000.000đ theo biên lai thu số 0007422 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Bà N còn phải nộp **7.168.110 đồng** án phí dân sự sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Biểu quyết 3/3 = 100%

7. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà N và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Kh vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Biểu quyết 3/3 = 100%

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 5 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- Viện KSND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND phường HVT, TPTN;
- Lưu HS.